TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 01 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Nguyễn Quốc An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 218/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2017 và Thông báo dời thời gian xét xử ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T.

Địa chỉ: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trương Văn N.

Địa chỉ: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2017 và lời trình bày tại phiên tòa của chị Lê Thị T thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Văn N tự nguyện chung sống vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên đã ly thân từ tháng 3/2016 cho đến

nay. Nay chị xác định không còn tình cảm, không thể quay lại hàn gắn để tiếp tục chung sống với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con: Chị và anh Nghiệm có 01 người con chung tên Trương Tâm V do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi Tâm V, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

* *Đối với anh Trương Văn N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị T, nhưng anh N không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Trương Văn N đã được Tòa án thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được vụ án theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác, anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, anh, chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên đã ly thân từ tháng 3/2016 đến nay. Nay chị T xác định không còn tình cảm và không thể quay lại để hàn gắn với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Xét việc yêu cầu xin ly hôn của chị T, thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị T mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con: Chị T và anh N có 01 người con chung tên Trương Tâm V do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi Tâm V, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin nuôi con của chị T.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Tại văn bản ghi nguyện vọng của Trương Tâm V vào ngày 18/10/2017 thể hiện: Hiện nay, Tâm V đang sinh sống cùng với chị T, khi cha, mẹ ly hôn thì Tâm V có nguyện vọng sống chung với chị T.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T phù hợp với nguyện vọng của Tâm V; do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của Tâm V; trên cơ sở xem xét điều kiện hiện nay của chị T nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao Tâm V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và nợ: Chị T xác định không có, anh N không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị T và anh Trương Văn Nm.

2. Về con: Giao Trương Tâm V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009124 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn